SỞ GD&ĐT HƯNG YÊN **TRƯỜNG THPT HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 113a/QĐ-THPTHY	*Tp. Hưng Yên, ngày 01 tháng 06 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Trường THPT Hưng Yên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT HƯNG YÊN

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng trường THPT quy định trong Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện công văn số 1797/SGDĐT-TTr ngày 02/10/2020 của Sở GD&ĐT Hưng Yên về việc thực hiện công khai trong các trường học, cơ sở giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai:

1. Nội dung công khai về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; dự toán thực hiện thu các khoản tiền đóng góp của học sinh trong năm học và quyết toán các khoản tiền đóng góp của học sinh (năm học trước) theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT *(Có biểu mẫu kèm theo);*

2. Hình thức công khai:

- Đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của nhà trường.
- Niêm yết trên bảng tin phòng họp Hội đồng giáo dục của nhà trường;
- Phổ biến trong cuộc họp Hội đồng cơ quan.

3. Thời gian công khai: 30 ngày, từ 01/06/2023 đến 30/06/2023

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3. Bộ phận kế toán, các cá nhân và bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: *- Sở GD&ĐT Hưng Yên (để báo cáo);* *- Như Điều 3 (để thực hiện);* *- Lưu: VT, KT.*	**HIỆU TRƯỞNG** **Đỗ Thị Giang**

Biểu mẫu THPT-01
SỞ GD&ĐT HƯNG YÊN
TRƯỜNG THPT HƯNG YÊN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về cơ sở vật chất, năm học 2023 - 2024

I. Điểm trường

TT	Địa chỉ	Diện tích điểm trường	Diện tích sân chơi
Điểm trường 1	168 Phạm Ngũ Lão – Quang Trung – Tp Hưng Yên – Hưng Yên	11960.2	5600
Cộng tổng diện tích toàn trường		11960.2	5600
Diện tích toàn trường tính bình quân/01học sinh (hs): 8.8			

II. Phòng học
1. Điểm trường 1

TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m^2)	Bình quân (m^2)/01hs
1	Phòng học kiên cố	36	45	1
2	Phòng học bán kiên cố	0		
3	Phòng học tạm	0		
4	Phòng học nhờ	0		

III. Phòng chức năng

TT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích	Ghi chú
1	Phòng truyền thống	1	60	
2	Phòng Hội đồng	1	120	
3	Phòng Tổ chuyên môn	5	20	
4	Phòng Ban giám hiệu	3	20	
5	Phòng Công đoàn	1	20	
6	Phòng Đoàn, Đội	1	20	
7	Phòng thư viện	1	80	
8	Phòng đồ dùng, thiết bị	3	45	
9	Phòng học Tin học	1	40	
10	Phòng học Ngoại ngữ	1	40	
11	Phòng học bộ môn khác	0		
12	Phòng giáo dục nghệ thuật	0		
13	Phòng tư vấn tâm lý học sinh	1	20	
14	Phòng vệ sinh	8	20	
15	Phòng đa chức năng	1	700	
16	Phòng Y tế	1	20	

IV. Đồ dùng, thiết bị dạy học

TT	Khối lớp	Danh mục đồ dùng, thiết bị dạy học hiện có	Số lượng (bộ)	So với yêu cầu tối thiểu đủ (thiếu)/bộ
1	Khối lớp 10		31	
2	Khối lớp 11		67	
3	Khối lớp 12		138	

V. Thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ làm việc và học tập

TT	Danh mục thiết bị hiện có	Số lượng	So với yêu cầu tối thiểu đủ (thiếu)
1	Máy vi tính	38	0
2	Ti vi	2	0
3	Đài cát xét	2	0
4	Đầu Video/đầu đĩa	0	

5	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	36	
6	Thiết bị khác: Bộ loa trợ giảng	40	

VI. Nhà vệ sinh

1. Điểm trường 1

Danh mục nhà vệ sinh	Số lượng	Diện tích	Diện tích bình quân/giáo viên/học sinh	Ghi chú
Dùng cho giáo viên	4	20	1	
Dùng cho học sinh	1	72	0.05	
Đạt chuẩn vệ sinh theo quy định	5			
Chưa đạt chuẩn vệ sinh theo quy định	0			

VII. Cơ cở vật chất, trang thiết bị khác

TT	Tên điểm trường	Danh mục CSVC, trang thiết bị	Có	Không
1	Điểm trường 1	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
		Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
		Kết nối internet	x	
		Trang thông tin điện tử (website)	x	
		Tường rào xây	x	
		Hệ thống phòng cháy chữa cháy	x	

Biểu mẫu THPT-02
SỞ GD&ĐT HƯNG YÊN
TRƯỜNG THPT HƯNG YÊN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, năm học 2023 - 2024

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
I	**Cán bộ quản lý**	**3**		**3**						**3**					
1	Hiệu trưởng	1		1						1					
2	Phó hiệu trưởng	2		2						2					
II	**Giáo viên**	**70**		**22**	**48**					**48**	**22**				
1	Toán	11		5	6					9	2				
2	Lý	7		3	4					4	3				
3	Hóa	6		2	4					4	2				
4	Sinh	5		1	4					3	2				
5	Tin	4		2	2					4					
6	Công Nghệ	2			2						2				
7	Ngữ văn	10		3	7					8	2				
8	Lịch sử	4			4					4					
9	Địa lý	5			5					4	1				
10	GDCD	3		1	2					2	1				
11	Anh văn	8		5	3					3	5				
12	Thể dục	4			4					2	2				
13	Quốc phòng	1			1					1					
III	**Nhân viên**	**5**			**4**	**1**									
1	Văn thư	1				1									
2	Kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Y tế														
5	Thư viện	1			1										
6	Thiết bị, thí nghiệm	2			2										
IV	**Tổng số**	**78**		**25**	**52**	**1**					**73**				

Biểu mẫu THPT-03
SỞ GD&ĐT HƯNG YÊN
TRƯỜNG THPT HƯNG YÊN

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung công khai	Chia theo khối lớp		
		Khối 10	**Khối 11**	**Khối 12**
1	Chương trình giáo dục nhà trường thực hiện	Thực hiện theo đúng quy định của Bộ và hướng dẫn của Sở	Thực hiện theo đúng quy định của Bộ và hướng dẫn của Sở	Thực hiện theo đúng quy định của Bộ và hướng dẫn của Sở
2	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt đối với học sinh của nhà trường	- Cho mượn sách tham khảo, hỗ trợ sách vở cho học sinh khó khăn, ngoại khóa chuyên đề, bồi dưỡng học sinh yếu kém, học sinh giỏi.	- Cho mượn sách tham khảo, hỗ trợ sách vở cho học sinh khó khăn, ngoại khóa chuyên đề, bồi dưỡng học sinh yếu kém, học sinh giỏi.	- Cho mượn sách tham khảo, hỗ trợ sách vở cho học sinh khó khăn, ngoại khóa chuyên đề, bồi dưỡng học sinh yếu kém, học sinh giỏi.
3	Yêu cầu về phối hợp giữa nhà trường và gia đình.	- Thông tin kịp thời - Tổ chức họp định kì theo đúng quy định.	- Thông tin kịp thời - Tổ chức họp định kì theo đúng quy định.	- Thông tin kịp thời - Tổ chức họp định kì theo đúng quy định.
4	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Đúng theo các điều kiện lên lớp đã quy định hiện hành Tỷ lệ chuyên cần đạt từ 96% trở lên.	Đúng theo các điều kiện lên lớp đã quy định hiện hành. Tỉ lệ chuyên cần đạt từ 96% trở lên.	Đúng theo các điều kiện lên lớp đã quy định hiện hành. Tỉ lệ chuyên cần đạt từ 96% trở lên.
5	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được			
	- Về năng lực	- Tự chủ và tự học; Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác; Giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo và triệt để. - Ngôn ngữ; Tính toán; Tin học; Thể chất; Thẩm mỹ; Công nghệ; Tìm hiểu tự nhiên và xã hội.	- Tự chủ và tự học; Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác; Giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo và triệt để. - Ngôn ngữ; Tính toán; Tin học; Thể chất; Thẩm mỹ; Công nghệ; Tìm hiểu tự nhiên và xã hội.	- Tự chủ và tự học - Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác. - Giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo và triệt để.
	- Về phẩm chất	Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
	- Về học tập	Đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng chương trình học	Đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng chương trình học	Đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng chương trình học
	- Về sức khỏe	Tốt	Tốt	Tốt
6	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đúng theo các điều kiện lên lớp đã quy định hiện hành	Đúng theo các điều kiện lên lớp đã quy định hiện hành	Đủ điều kiện thi TN THPT, theo học tiếp lên các trường Chuyên nghiệp hoặc tham gia lao động xã hội

Biểu mẫu THPT-04
SỞ GD&ĐT HƯNG YÊN
TRƯỜNG THPT HƯNG YÊN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2022 - 2023

	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp					
			Khối 10		Khối 11		Khối 12	
			Số học sinh	Tỷ lệ	Số học sinh	Tỷ lệ	Số học sinh	Tỷ lệ
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	1584	537	33.90%	558	35.23%	489	30.87%
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1549	534	33.71%	534	33.71%	481	30.37%
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	28	3	0.19%	18	1.14%	7	0.44%
	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	5	0	0.00%	5	0.32%	0	0.00%
	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2	0	0.00%	1	0.06%	1	0.06%
II	**Số học sinh chia theo học lực**	1584	537	33.90%	558	35.23%	489	30.87%
	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	922	324	20.45%	269	16.98%	329	20.77%
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	637	205	12.94%	275	17.36%	157	9.91%
	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	24	8	0.51%	13	0.82%	3	0.19%
	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	0.00%	1	0.06%	0	0.00%
	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**							
	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số)	1582	537	33.90%	557	35.16%	488	30.81%
	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1	0		1		0	
	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1	0		0		1	
	Chuyển trường (đến, đi) (tỷ lệ so với tổng số)	46	31		12		3	
	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0		0		0	

	Tự bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)	4	1		2		1	
IV	**Số học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi**							
	Cấp tỉnh	15			3		12	
	Cấp quốc gia	5			1		2	
	Cấp khu vực và quốc tế							
V	**Số học sinh dự thi tốt nghiệp**	488					488	
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**							
VII	**Số thí sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng**							
1	Thi đỗ Đại học Số lượng (tỷ lệ so với tổng số dự thi)							
2	Thi đỗ Cao đẳng Số lượng (tỷ lệ so với tổng số dự thi)							
VIII	**Số học sinh nam, nữ**							
1	Số lượng nữ (tỷ lệ so với tổng số)	820	283	17.87%	273	17.23%	264	16.67%
2	Số lượng nam (tỷ lệ so với tổng số)	764	254	16.04%	285	17.99%	225	14.20%